



xiǎo qián

小钱

noun · small amount of money

Example Sentences

Zhè diǎn xiǎo qián bù yòng huán le

这点小钱不用还了。

You don't need to pay back this small amount of money.

Tā kàn bu qǐ zhè xiē xiǎo qián dàn jī shǎo chéng duō

他看不起这些小钱，但积少成多。

He looks down on these small amounts of money, but many a little makes a mickle.

Trace each character, then write the word on your own.

小	小	小	小	小	小						
钱	钱	钱	钱	钱	钱	钱	钱	钱	钱	钱	钱
钱	钱										